

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06122/2025/PKQ (25.1992)

Đơn vị yêu cầu quan trắc : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CM**
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị được quan trắc : **Trung tâm khám chữa bệnh dịch vụ kỹ thuật cao - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng**
Địa điểm quan trắc : Số 19 Trần Quang Khải, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 03/11/2025 Thời gian phân tích: 04/11/2025 – 15/11/2025

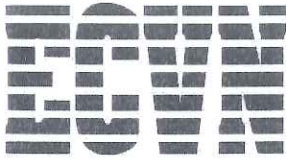
Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				W2511/9361	QCVN 28:2010/ BTNMT Cột B (Cmax, K=1)
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,35	6,5 ÷ 8,5
2.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13,2	50
3.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	52,5	100
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	16,2	100
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,86	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	1,45	50
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ _P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,27	10
8.	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,025	4
9.	Dầu mỡ động, thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	0,69	20
10.	Coliform ^(a)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	4,6x10 ³	5.000
11.	Salmonella ^(a)	VK/100mL	SMEWW 9260B:2017	KPH (MDL=1)	KPH
12.	Shigella ^(a)		SMEWW 9260E:2017	KPH (MDL=1)	KPH
13.	Vibro cholerae ^(a)		SMEWW 9260H:2017	KPH (MDL=1)	KPH

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ W2511/9361: NT7/02/03.11.2025/Nước thải sau xử lý của hệ thống 150m³/ngày.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
- Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Cột B: Quy định giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt ($C_{max}, K=1$).

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG


ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM

P. GIÁM ĐỐC

LÊ THỦY DƯƠNG



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.